TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **255**/2025/HS-PT
Ngày: 18-12-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn và bà Võ Thị Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm là Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 202/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Thạch Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- *Bị cáo bị kháng cáo*:

Thạch Thị L**;** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày: 18/9/1985 tại: tỉnh Hà Tĩnh; số CCCD: 042185005796; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/ 12 ; Nghề nghiệp: Điều dưỡng (Y Tá); Nơi thường trú: số A L, phường K, Thành phố H; Con ông: Thạch Hữu T, sinh năm: 1953 và bà: Nguyễn Thị M, Sinh năm: 1957; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình hoạt động bản thân: Nhỏ ở với cha mẹ đi học văn hóa đến lớp 12/12 thì học Trường cao đẳng Y, ra trường làm việc tại Khoa tim mạch - Bệnh viện T4 cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/6/2024 cho đến nay (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Hồng T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: 9 N, phường K, thành phố H (có mặt).

- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đặng Văn Q, sinh năm 1964; địa chỉ: số B Kiệt A Bà T, phường V, thành phố H (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Mai Thị Hồng V, sinh năm 1985. Địa chỉ: 2 N, phường P, thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ 1:

Năm 2018, thông qua đồng hương Hà Tĩnh tại H, Thạch Thị L làm quen với chị Trần Thị Hồng T1Sinh năm: 1979, trú tại: 9 N, phương H, quận P, thành phố H). Từ năm 2019, L nhiều lần vay tiền của chị T1 để kinh doanh bất động sản, cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch. Thời gian đầu L trả lại tiền vay, tiền lãi cho chị T1 theo đúng thỏa thuận. Đến khoảng năm 2020, việc kinh doanh bất động sản không hiệu quả, L bị thâm hụt dần số tiền vay. Đầu năm 2022, để trả nợ cho các khoản vay đến hạn, L vay tiền của người sau để trả tiền vay và tiền lãi cho người cho vay trước nên số tiền vay thâm hụt, lớn dần theo thời gian. Đến khoảng tháng 4/2022, do cần tiền trả nợ cho nhiều người nên L nhiều lần giả vờ nói cần tiền mua đất bán lại kiếm lời, đáo hạn ngân hàng để chị T1 tin cho vay tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 27/4/2022, L điện thoại cho chị Thúy nói cần vay số tiền 2.100.000.000 đồng để trả tất toán khoản vay tại ngân hàng nhằm lấy tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, sau đó điều chỉnh diện tích để thế chấp vay lại ngân hàng với số tiền lớn hơn, khi ngân hàng giải ngân thì trả lại tiền vay với tiền lãi một lần. Tin là thật nên 27/4/2022, chị T1 chuyển 2.1000.000.000 đồng từ tài khoản số 68999068999 của chị T1 mở tại ngân hàng M2 đến tài khoản số 100002708231 của L mở tại ngân hàng V1. Nhận tiền xong, thì L sử dụng:

- Chuyển số tiền 1.860.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng S số 0002121985 để trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V (sinh năm 1985, trú tại: 2 đường N, phường G, quận P, thành phố H).

- Chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V2 số 0161000519058 để trả nợ cho chị Hồ Thị H (sinh năm 1983 trú tại: TDP N, đường L, phường H, quận P, thành phố H).

- Chuyển số tiền 220.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V2 số 0161000518915 của L. Từ tài khoản ngân hàng V2 nói trên, L chuyển số tiền 12.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng T5 để trả nợ cho Hồ Đức C (sinh năm 1993, trú tại: 3 đường C, phường P, thành phố H); chuyển số tiền 140.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V3 số 19140528 để trả nợ cho chị Trần Thi B (sinh năm

1974, trú tại:8 đường N, phường V, quận T, thành phố H), số còn lại tiêu xài cá nhân.

Để tránh bị chị T1 phát hiện, L vay của tiền người thân với đồng nghiệp để trả bớt tiền vay cho chị T1. Ngày 03/6/2022 chuyển trả 200.000.000 đồng, ngày 08/6/2022, chuyển trả 200.000.000 đồng, ngày 6/7/2022, chuyển trả 250.000.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 1.450.000.000 đồng.

Lần 2: L nói cần vay số tiền để đáo hạn ngân hàng, hẹn khoảng 03 hoặc 04 ngày trả. Ngày 11/5/2022, chị T1 chuyển cho L vay 3.000.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này L chuyển trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V. Sau đó, L vay tiền của người khác trả lại cho chị T1 số tiền 2.740.000.000 đồng, chiếm đoạt 260.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 09/6/2022, L vay của chị T1 số tiền 2.000.000.000 đồng rồi chuyển toàn bộ trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V.

Ngày 12/6/2022, L chuyển trả cho chị T1 550.000.000 đồng, ngày 29/5/2022, chuyển trả 1.000.000.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 13/6/2022, chị T1 cho L vay số tiền 2.200.000.000 đồng, L chuyển hết để trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V.

Ngày 15/6/2022, chuyển trả cho chị T1 850.000.000 đồng, ngày 16/6/2022, chuyển trả 150.000.000 đồng, ngày 21/6/2022, chuyển trả 50.000.000 đồng; chiếm đoạt số tiền 1.150.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 15/6/2022, chị T1 cho vay số tiền 1.900.000.000 đồng, L chuyển 1.500.000.000 đồng trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V.

Sau đó, L đã trả lại cho chị T1 số tiền là 760.000.000 đồng; chiếm **1.140.000.000** đồng.

Lần 6: Ngày 04/7/2022, chị T1 cho L vay số tiền 2.130.000.000 đồng. L chuyển hết số tiền trên đến tài khoản ngân hàng S1 số 000006102261 tên Huỳnh Thị Kiều L1 (sinh năm 1968, trú tại: B P, phường P, quận T, thành phố H) để trả nợ.

Từ ngày ngày 07 đến 20/7/2022, L1 chuyển trả cho chị T1 với tổng số tiền 1.700.000.000 đồng; chiếm đoạt 430.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 19/7/2022, chị T1 chuyển cho L1 vay số tiền 2.500.000.000 đồng. L1 chuyển 1.600.000.000 đồng trả nọ cho chị Lê Thị Tuyết N, chuyển 197.000.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Văn K; chuyển 100.000.000 đồng trả nợ khoản vay ngày 4/7/2022 cho chị T1, chuyển 600.000 đồng trả lại tiền vay của chị T1 ngày 04/7/2022.

Ngày 29/7/2022, L1 chuyển 1.000.000.000 đồng và ngày 13/8/2022 chuyển 150.000.000 đồng để trả khoản vay này cho chị T1; chiếm đoạt 1.350.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 28/7/2022, chị T1 chuyển cho L1 vay số tiền 2.600.000.000 đồng. L1 chuyển 81.000.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Văn K, chuyển 1.300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B2 số 55110001083912 tên chủ tài khoản là Bùi Thị Thu T2 (Chưa xác định được địa chỉ) để trả nợ, chuyển 1.000.000.000 đồng trả nợ cho chị Huỳnh Thị Kiều L1, số còn lại được L1 dùng để trả tiền lãi cho nhiều người khác và tiêu xài cá nhân hết.

Từ ngày 07 đến 30/8/2022, L1 chuyển trả lại cho chị T1 tổng số tiền 2.304.000.000 đồng; chiếm đoạt 296.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 10/8/2022, chị T1 chuyển cho L1 vay số tiền 2.000.000.000 đồng. L1 chuyển 231.400.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Văn K, chuyển 1.500.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V2 số 0161000193841 của ông Nguyễn Văn L2 (sinh năm: 1957, trú tại: 1 đường C, phường G, quận P, thành phố H) để trả nợ, chuyển 112.350.000 đồng trả nợ cho anh Hồ Đức C, số tiền còn lại L1 dùng để trả tiền lãi cho nhiều người khác và tiêu xài cá nhân hết.

Từ ngày ngày 01 đến 30 /9/2022, L1 chuyển trả lại cho chị T1 tổng số tiền 898.000.000 đồng, chiếm đoạt 1.102.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 23/9/2022 chị T1 cho L1 số tiền 480.000.000 đồng, L1 chuyển 100.000.000 đồng trả nợ cho chị Mai Thị Hồng V, 380.000.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Văn K, còn lại 76.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết; chiếm đoạt số tiền 480.000.000 đồng.

Tổng số tiền L1 chiếm đoạt của chị Trần Thị Hồng T1 là **8.108.000.000** đồng (Tám tỷ một trăm lẽ tám triệu đồng). Ngày 23/10/2023 chị Trần Thị Hồng T1 làm đơn tố cáo Thạch Thị L về hành vi: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" gửi Cơ quan điều tra Công an thành phố H (PC01).

Vụ thứ 2: Do cần 1.600.000.000 đồng trả nợ cho anh Hoàng Xuân T3 (sinh năm 1984, thường trú E L, phường T, quận P, thành phố H) và 1.200.000.000 đồng tiền vay Ngân hàng V4 chi nhánh Đ nên L nảy sinh ý định tiếp túc nói dối để vay thêm tiền của chị Trần Thị Hồng T1. Ngày 31/8/2022, L nói với chị T1 cần vay số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay và cam kết trả lại tiền trong ngày. Do không có nên chị T1 nói với anh Hồ Thiên M1 làm nhân viên Ngân hàng B3 tại Huế (sinh năm: 1983; trú tại: thôn P, xã P, huyện P, thành phố H) việc L cần vay tiền. Khi được chị T1 giới thiệu, do có quen biết với L từ trước nên anh M1 nhắn tin cho L hỏi: "Alo em, chị T1 nói em cần hai tỷ trong hôm nay, chiều trả lại. Rứa có chắc chắn không em ơi để anh mượn sổ. Chứ ko chắc chắn thì anh không mượn sổ được". L nhắn tin lại "Dạ chắc anh", "Anh giúp cho em cái nha". Sau đó M1 hẹn gặp chị L và T1 tại quán cà phê ở đường N, thành phố H để trực tiếp trao đổi với L. Tại quán cà phê, L đề nghị vay M1 với số tiền là 2.000.000.000 đồng và cam kết sẽ trả lại tiền trong ngày. Do tin tưởng những thông tin L đưa ra là sự thật, anh M1 đã đồng ý cho L vay 2.000.000.000 đồng và thời hạn vay trả là một ngày. Sau

đó, anh M1 soạn hợp đồng cho vay tiền, L đọc lại thống nhất nên đã ký ghi rõ họ tên và điểm chỉ ngón trỏ vào mục "Người vay tiền". "Hợp đồng cho vay tiền" chỉ có 01 (một) bản chính và được anh M1 cất giữ, anh M1 chuyển số tiền 2.000.000.000 đồng từ tài khoản 0935381819 của anh M1 mở tại ngân hàng Q1 đến tài khoản số 421704060041472 của L mởi tại ngân hàng V4.

Nhận tiền xong, L chuyển 500.000.000 đồng trả nợ cho anh Hoàng Xuân T3, chuyển 134.804.000 đồng trả nợ cho chị Võ Thị Diễm H1, chuyển 17.000.000 đồng trả nợ cho chị Trần Thị B1, chuyển 99.000.000 đồng trả nợ cho anh Nguyễn Văn K, chuyển 100.000.000 đồng trả nợ cho chị Trần Thị Hồng T1, chuyển 15.000.000 đồng, chuyển 1.200.000.000 đồng để tất toán khoản vay ngân hành trước đó rồi làm thủ tục vay lại. Ngày 31/8/2022 Ngân hàng V4 chi nhánh Đ đã giải ngân cho L vay với số tiền 1.200.000.000 đồng. L nhận 1.200.000.000 đồng tiền mặt từ ngân hàng rồi dùng số tiền này trả nợ cho anh Hoàng Xuân T3, không trả lại cho anh M1 như đã cam kết. Ngày 29/3/2024 anh Hồ Thiên M1 làm đơn tố giác tội phạm.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 31/01/2024, L nhiều lần chuyển trả cho chị T1 với tổng số tiền 3.115.100.000 đồng (Ba tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm ngàn đồng) để bồi thường thiệt hại. Nay, chị T1 yêu cầu bị cáo L bồi thường với số tiền 5.000.000.000 đồng; anh Hồ Thiên M1 yêu cầu bị cáo L bồi thường với số tiền 2.000.000.000 đồng. Những người liên quan khác trong vụ án không có yêu cầu về mặt dân sự nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với việc chị T1 cho L vay tiền có thu tiền lãi nhưng không cao hơn mức lãi xuất quy định khoản 1 điều 468 Bộ Luật dân sự nên không có dấu hiệu của tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 11/9/2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

“Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự; Tuyên bố: Bị cáo Thạch Thị L *phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo* Thạch Thị L *09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/6/2024.*

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Thạch Thị L *phải bồi thường cho chị* Trần Thị Hồng T1 *số tiền 5.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

Buộc bị cáo Thạch Thị L *phải bồi thường cho anh* Hồ Thiên M1 *số tiền 2.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/9/2025, bà Trần Thị Hồng T1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần trách nhiệm dân sự theo hướng buộc bà Mai Thị Hồng V trả lại cho bà số tiền 5.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 giữ yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng thấy Hội đồng xét xử, thư ký đã thuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ thì thấy quá trình giải quyết vụ án chị T1 chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000.000 đồng đã chiếm đoạt, không đề cập đến bà V. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hồng T1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Thạch Thị L vắng mặt (vì đã đi thi hành án) nhưng bị cáo không có kháng cáo, bị hại không có kháng cáo về phần hình phạt, Viện kiểm sát có thẩm quyền cũng không có kháng nghị đối với phần hình phạt đối với bị cáo Loan, bà T1 chỉ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự nên việc vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 27/4/2022 đến ngày 23/9/2022, Thạch

Thị L đưa ra những thông tin gián dối như cần tiền để mua bán đất, đáo hạn ngân hàng để lừa chiếm đoạt của bị hại bà Trần Thị Hồng T1, ông Hồ Thiên M1 với tổng cộng số tiền 10.108.000.000 đồng (mười tỷ, một trăm lẻ tám triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch Thị L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Hồng T1:

[3.1] Toàn bộ số tiền mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được đều được bà Trần Thị Hồng T1 sử dụng tài khoản số 68999068999 tại Ngân hàng M2 của mình để chuyển đến tài khoản số 100002708231 tại Ngân hàng V1 mang tên Thạch Thị L, anh Hồ Thiên M1 sử dụng tài khoản số 0935381819 mở tại Ngân hàng Q1 của mình để chuyển tiền đến tài khoản số 421704060041472 Ngân hàng V4 đứng tên Thạch Thị L. Sau đó bị cáo sử dụng tài khoản số 100002708231, 421704060041472 để chuyển tiền cho những người liên quan khác trong vụ án nên có cơ sở xác định số tiền mà bị cáo chuyển cho những người liên quan là vật chứng của vụ án.

Tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về xử lý vật chứng như sau:

"*3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:*

...

b) Trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án".

Đối chiếu quy định trên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét số tiền mà những người liên quan nhận từ bị cáo đã được sử dụng như thế nào mà chỉ buộc bị cáo phải trả lại tiền cho những bị hại là không đúng quy định pháp luật.

[3.2] Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án (bút lục 1139) là bản sao kê chi tiết đối với tài khoản số 100002708231 thể hiện ngày 27/4/2022 thì chị Trần Thị Hồng T1 sử dụng tài khoản số 68999068999 để chuyển cho bị cáo số tiền 2.700.000.000 đồng, sau đó bị cáo chuyển cho Mai Thị Hồng V 2.460.000.000 đồng, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố H lại xác định ngày 27/4/2022 chị T1 chuyển cho bị cáo 2.100.000.000 đồng và bị cáo chuyển cho chị Mai Thị Hồng V 1.860.000.000 đồng.

Tại bản sao kê chi tiết nêu trên (bl 1142) thể hiện ngày 13/6/2022, chị T1 chuyển cho bị cáo 2.200.000.000 đồng, sau đó bị cáo chuyển cho Mai Thị Hồng V 1.700.000.000, trong khi đó các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố H lại xác định

chị T1 chuyển cho bị cáo 2.000.000.000 đồng và bị cáo chuyển cho V 2.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Hồng T1 cho biết không được tiếp cận những bản sao kê, thời gian kéo dài nên không nhớ chính xác số tiền đã chuyển cho bị cáo.

Do chưa xác định đúng số tiền mà bị cáo nhận được chị Trần Thị Hồng T1 và số tiền bị cáo chuyển cho những người liên quan khác trong vụ án nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

[3.3] Sau khi nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ anh Hồ Thiên M1 thì bị cáo sử dụng số tiền 1.200.000.000 đồng để tất toán khoản vay từ Ngân hàng V4, sau đó ngay trong ngày 31/8/2022 thì Ngân hàng V4 chi nhánh Đ đã giải ngân cho bị cáo vay số tiền 1.200.000.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên thì số tiền 1.200.000.000 đồng mà bị cáo trả cho Ngân hàng V4 là vật chứng của vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng V4 vào tham gia tố tụng là sai lầm nghiêm trọng.

[4] Với nhận định trên, Tòa án cấp phúc thẩm thấy cần phải hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Huế để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

[5] Do hủy bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự nên cũng cần phải hủy án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hồng T1

1. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Huế để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định pháp luật.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế không bị kháng cáo, kháng nghị như hình phạt 09 năm tù đối với bị cáo Thạch Thị L, xử lý vật chứng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tp. Huế;
- Phòng HSNV thuộc Công an tp. Huế;
- CQCSĐT thuộc Công an tp. Huế;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan CSTHAHS thuộc tp. Huế;
- THADS tp. Huế;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP, LT.

Đinh Phước Hoà